

Bản án số: 11/2023/HSST
Ngày 15 - 11- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Kim Dung.

Ông Trần Mạnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thanh Nghị - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2023/TLST-HS, ngày 25 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Sùng A S (Tên gọi khác: không) sinh ngày 01/01/1980; tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản LL, xã NN, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Mông, tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không. Con ông: Sùng A C (đã chết), con bà: Vừ Thị S (S), sinh năm 1958. Bị cáo có vợ là: Lý Thị K và 06 con (con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2016). Tiền án; tiền sự: Không. Về nhân thân: Tại Bản án số 47/2019/HS-ST ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, xử phạt 14 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 07/6/2023 đến nay, “có mặt”.

- Người bào chữa cho bị cáo Sùng A S: Ông Trần Quốc Tuấn, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La, “có mặt”.

2. Nguyễn Trung T (Tên gọi khác: không), sinh ngày 20/01/1992; Sinh tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Thôn HV, xã C M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1966, con bà: Nguyễn Thị

B, sinh năm 19712. Bị cáo có vợ là: Tào Thị G sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2013. Tiền án: Tại Bản án số 88/2019/HS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, xử phạt 30 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; Tại Bản án số 26/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 06/6/2023 đến nay, “có mặt”.

3. Lường Thị V (Tên gọi khác: không), sinh ngày 28/01/1988; Sinh tại huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản MV, xã MV, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La. Tạm trú: Tổ 04, phường CS, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do, dân tộc: Lào, tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể: không; Con ông: Lường Văn B, sinh năm 1961, con bà Lường Thị X, sinh năm 1965; Bị cáo có chồng là: Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1984 (đã ly hôn), bị cáo chưa có con. Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 06/6/2023 đến nay, “có mặt”.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lường Thị V:* Ông Cầm Hải Du, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La, “có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Lý Thị K, địa chỉ: Bản Lọng Lăn, xã Nà Nhieu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, “có mặt”.

- *Người phiên dịch cho bị cáo Sùng A S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lý Thị K:* Anh Thào A C; địa chỉ: Thôn 7, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 17 giờ 14 phút, ngày 06/6/2023, tổ công tác Công an thành phố Sơn La làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 17, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La phát hiện, bắt quả tang Lường Thị V, tạm trú tại: Tổ 4, phường CS, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 03 viên nén màu hồng (nghi là Methamphetamine).

Căn cứ vào lời khai của Lường Thị V cùng ngày (06/6/2023) Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Sơn La đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Trung T, sinh ngày 20/01/1992, trú tại: Thôn HVăn, xã CM, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; nơi ở hiện tại: Tổ 4, phường CS, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Vật chứng thu giữ gồm 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa các viên nén màu hồng (nghi là Methamphetamine).

Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Trung T, ngày 07/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Sơn La đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Sùng A S, trú tại: Bản LL, xã NN, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Thu giữ vật chứng: 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa các viên nén màu hồng (nghĩ là Methamphetamine), 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa cục bột màu trắng (nghĩ là Heroine), ngoài ra còn tạm giữ của S 01 cân tiểu ly và 3.000.000đ.

Ngày 08/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Sơn La thành lập Hội đồng mở niêm phong, xác định khối lượng, trích mẫu giám định vật chứng thu giữ: Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang đối với Lường Thị V: 03 viên nén màu hồng có khối lượng 0,26 gam, trích 02 viên nén màu hồng có khối lượng 0,18 gam làm mẫu trung cầu giám định ký hiệu H1. Vật chứng thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở Nguyễn Trung T: 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa 183 viên nén màu hồng có khối lượng 16,42 gam, trích lấy 10 viên nén màu hồng có khối lượng 0,91 gam làm mẫu trung cầu giám định, ký hiệu H2.

Tại bản kết luận giám định số: 1463/KL-KTHS ngày 07/6/2023, của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*Mẫu ký hiệu H1, H2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng của mẫu gửi giám định là H1 = 0,18 gam, H2 = 0,91 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 16,68 gam, loại Methamphetamine*”.

Ngày 08/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Sơn La thành lập Hội đồng mở niêm phong, xác định khối lượng, trích mẫu giám định đối với vật chứng thu giữ khi khám xét khẩn cấp đối với Sùng A S: 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa các 132 viên nén màu hồng có khối lượng 11,81 gam. Trích 10 viên nén màu hồng có khối lượng 0,89 gam làm mẫu trung cầu giám định ký hiệu H1. 01 túi nilon màu xanh bên trong chứa cục bột màu trắng có khối lượng 7,05 gam. Trích 0,51 gam chất cục bột màu trắng làm mẫu trung cầu giám định, ký hiệu H2.

Tại bản kết luận giám định số: 1478/KL-KTHS ngày 06/6/2023, của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Sơn La kết luận: “*Mẫu ký hiệu H1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,89 gam. Mẫu ký hiệu H2 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,51 gam. Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 11,81 gam, loại Methamphetamine và 7,05 gam, loại Heroine*”.

Quá trình điều tra Sùng A S, Nguyễn Trung T, Lường Thị V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau:

Cách ngày bị bắt khoảng 10 ngày Sùng A S đang ở nhà thì có một người đàn ông tự giới thiệu tên H ở bản N, xã C N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đến nhà S chơi. Quá trình trao đổi H nói có ma túy cần bán với giá 4.000.000 đồng và nhờ S bán hộ, hứa trả công cho S 400.000 đồng, S đồng ý. Sau đó H đưa cho S 01 túi nilon bên trong chứa Hồng phiến và 01 túi nilon bên trong chứa Heroine và dặn khi nào bán được thì gọi H đến lấy tiền. H cho S số điện thoại để liên lạc và đi về, còn S cất giấu ma túy trong nhà. Đến khoảng 21 giờ ngày 05/6/2023, Nguyễn Trung Th

gọi điện cho S hỏi mua Hồng phiến, S bảo T vào nhà ở bản LL, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã để trao đổi mua bán. Khoảng 03 giờ ngày 06/6/2023, T đến nhà S hỏi mua 3.000.000 đồng Hồng phiến, S nhất trí và bảo T ở nhà đợi để S đi tìm mua. Do số Hồng phiến trước đó H đưa cho S không đủ số lượng để bán cho T, vì vậy S gọi điện thoại cho H nói có khách cần mua 3.000.000 đồng Hồng phiến, H đồng ý và nói sẽ bán cho S 01 túi Hồng phiến giá 2.800.000 đồng. Khoảng 30 phút sau H mang đến giao cho S 01 túi Hồng phiến, sau khi nhận túi Hồng phiến S mang vào giao cho T và cầm tiền của T ra trả cho H 2.800.000 đồng. Còn lại 200.000 đồng S hỏi mua Hồng phiến của H và được H bán cho 10 viên Hồng phiến, trao đổi mua bán xong H đi về. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày T đi về, khi đến khu vực tổ 17, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, Thành gặp Lương Thị V (người quen) trú tại bản MV, xã MV, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La đang tạm trú tại tổ 04, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, qua nói chuyện V biết T có ma túy nên đã hỏi mua nợ của T 03 viên Hồng phiến với giá 100.000 đồng để sử dụng, khi nào có tiền sẽ trả sau. T đồng ý và lấy trong túi Hồng phiến mua được trước đó đưa cho V 03 viên Hồng phiến và đi về nhà, còn V đang trên đường đi tìm nơi để sử dụng thì bị tổ Công tác Công an thành phố Sơn La phát hiện, bắt quả tang. Căn cứ vào lời khai của Lương Thị V và các tài liệu chứng cứ thu thập được cùng ngày 06/6/2023 Nguyễn Trung T bị bắt người trong trường hợp khẩn cấp. Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Trung T đến ngày 07/6/2023 Sùng A S bị bắt trong trường hợp khẩn cấp.

Tại bản Cáo trạng số: 146/CTr-VKS-P1 ngày 24/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Sùng A S về tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Trung T về tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Lương Thị V về tội: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Sùng A S, Nguyễn Trung T, Lương Thị V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, các bị cáo không khai báo gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho gia đình xin lại số tiền 3.000.000 đồng do Cơ quan điều tra thu giữ trong vụ án, vì đây là tài sản của gia đình cho thuê đất không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Sùng A S.

Tranh luận tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Sùng A S, Nguyễn Trung T phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo Lương Thị V phạm tội: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Đề nghị xử phạt bị cáo Sùng A S từ 15 năm 6 tháng tù đến 16 năm 6 tháng

tù.

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T từ 9 năm tù đến 10 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lương Thị V 01 năm tù đến 02 năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Sùng A S, bị cáo Nguyễn Trung T được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự và bị cáo Lương Thị V được quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tuyên tiêu hủy số ma túy còn lại của các bị cáo sau khi trừ đi mẫu gửi giám định, vỏ gói niêm phong, 01 (Một) chiếc cân tiểu ly, đĩa cân làm bằng kim loại màu vàng không còn giá trị sử dụng. Đề nghị tuyên trả lại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lý Thị K số tiền 3.000.000 đồng tiền NHNN Việt Nam do Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo không liên quan đến vụ án.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý theo quy định.

Lời bào chữa của Luật sư Trần Quốc Tuấn bào chữa cho bị cáo Sùng A S: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố đối với bị cáo Sùng A S về tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa không biết chữ, nên am hiểu pháp luật còn hạn chế; từ khi bị bắt tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng, cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt mức án phạt tù thấp nhất trong khung hình phạt là 15 năm tù và miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo. Đối với số tiền bị thu giữ trong vụ án là tài sản riêng của gia đình không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét trả lại cho gia đình bị cáo.

Lời bào chữa của Luật sư Chăm Hải Du bào chữa cho bị cáo Lương Thị V: Nhất trí với tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố đối với bị cáo, đề nghị xem xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; nhân thân bị cáo là phụ nữ sau khi bị bắt đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án khai ra đồng phạm, bị cáo là người dân tộc Lào sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn,

am hiểu pháp luật còn hạn chế, gia đình bị cáo có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng, xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thấp nhất của khung hình phạt, miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo.

Các bị cáo Sùng A S, Lường Thị V đều nhất trí với lời bào chữa của các Luật sư, không có ý kiến tranh luận bổ sung, lời nói sau cùng đều xin giảm nhẹ hình phạt mức án thấp nhất trong khung hình phạt và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Trung T không có ý kiến tranh luận và đối đáp, nhất trí như lời luận tội, lời nói sau cùng đề nghị xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt mức án thấp nhất và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị K nhất trí với lời bào chữa của Luật sư và quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị trả lại cho chị số tiền mà cơ quan điều tra đã thu giữ của gia đình chị không liên quan đến vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đối đáp lại quan điểm bào chữa của các Luật sư: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã xem xét toàn diện về hành vi, nhân thân, hoàn cảnh, điều kiện phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị mức hình phạt phù hợp, tương xứng với khối lượng ma túy mà các bị cáo đã mua bán, trái phép. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xét xử theo quy định của pháp luật, không có tranh luận, đối đáp gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo Sùng A S, Lường Thị V và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến iếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai, khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa và lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra là đồng nhất, phù hợp với nhau đã thể hiện: Ngày 06/6/2023, bị cáo Sùng A S đã mua 02 túi Methamphetamine có tổng khối lượng 28,49 gam Methamphetamine và 7,05 gam Heroine mang về bán lại cho Nguyễn Trung T 01 túi Methamphetamine có khối lượng 16,68 gam, cùng ngày Nguyễn Trung T đã bán lại cho Lường Thị V 03 viên Methamphetamine có khối lượng 0,26 gam mục

đích để sử dụng. Khi Lương Thị V đang tìm nơi để sử dụng thì bị Tổ công tác Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Sơn La phát hiện, bắt quả tang. Còn Sùng A S, Nguyễn Trung T bị bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang được lập vào hồi 17 giờ 14 phút, ngày 06/06/2023 của tổ công tác Công an thành phố Sơn La làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 17, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đối với Lương Thị V cùng vật chứng thu giữ là chất ma túy; Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Trung T và Sùng A S; Biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng; Biên bản mở niêm phong, cân tịnh xác định khối lượng, trích mẫu trưng cầu giám định; Kết luận giám định về chất ma túy đối với vật chứng thu giữ của các bị cáo.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Sùng A S, Nguyễn Trung Th, Lương Thị V phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người chứng kiến sự việc cơ quan chức năng bắt quả tang đối với bị cáo Lương Thị V và bắt khẩn cấp đối với Sùng A S, Nguyễn Trung T đã thu giữ vật chứng là chất ma túy và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án.

Từ các căn cứ đã nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Sùng A S, Nguyễn Trung T phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lương Thị V phạm tội: Tội tàng trữ trái phép ma túy, tội phạm được quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Sùng A S mua, bán trái phép 28,49 gam Methamphetamine và 7,05 gam Heroine (tổng cộng 35,54 gam) ma túy. Bị cáo Sùng A S phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy có tình tiết định khung hình phạt “*Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR - 11 có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam*”, được quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có mức khung hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm.

Bị cáo Nguyễn Trung T đã mua, bán trái phép 16,68 gam Methamphetamine. Bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy có tình tiết định khung hình phạt “*Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” được quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Bị cáo Lương Thị V mua lại ma túy, tàng trữ 0,26 gam Methamphetamine. Bị cáo Lương Thị V phạm tội: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm tù.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo:

Ngày 06/6/2023, bị cáo Sùng A S đã mua 02 túi Methamphetamine có tổng khối lượng 28,49 gam Methamphetamine và 7,05 gam Heroine, mục đích mua lại, bán lại kiếm lời. Bị cáo Sùng A S đã bán cho Nguyễn Trung T 01 túi

Methamphetamine có khối lượng 16,68 gam. Bị cáo Nguyễn Trung T đã mua lại 16,68 gam Methamphetamine của Sùng A S để bán lại kiếm lời, đã bán lại cho Lường Thị V 0,26 gam Methamphetamine. Bị cáo Lường Thị V đã mua của Nguyễn Trung T 0,26 gam Methamphetamine, mục đích để sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang. Các bị cáo Sùng A S, Nguyễn Trung T, Lường Thị V đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán, cất giấu, vận trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Các bị cáo Sùng A S Nguyễn Thành T do hám lợi bất chính, bị cáo Lường Thị V do nghiện ma túy, các bị cáo coi thường pháp luật vẫn cố ý thực hiện phạm tội. Hành vi phạm tội của của bị cáo Sùng A S thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo Nguyễn Trung T thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, bị cáo Lường Thị V thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy là một trong những nguyên nhân làm lây lan phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự:

Xét nhân thân các bị cáo, nhân thân bị cáo Sùng A S là người có nhân thân xấu, năm 2019 bị Tòa án nhân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La xử phạt 14 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Sau khi được cải tạo, giáo dục khi trở về địa phương không chịu ăn năn hối cải thành người lương thiện đến nay do hám lợi cố ý phạm tội. Bị cáo Nguyễn Trung T đã có 02 tiền án về ma túy chưa được xóa án tích, nhận thức rõ việc mua bán vận chuyển trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do hám lợi đã bất chấp pháp luật. Nhân thân bị cáo Lường Thị V là phụ nữ, chưa có tiền án, tiền sự và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm luật nhưng do nghiện ma túy, coi thường pháp luật cố ý phạm tội.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Sùng A S, bị cáo Lường Thị V không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Nguyễn Trung T áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Sùng A S, Nguyễn Trung T, Lường Thị V đều thành khẩn khai báo, bị cáo Lường Thị V ăn năn hối cải. Được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Lường Thị V và Nguyễn Trung T khai ra đồng phạm là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhân thân bị cáo Lường Thị V là phụ nữ, gia đình bị cáo có ông bà ngoại được tặng thưởng huân chương kháng chiến là tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét trình bày luận tội tại phiên toà của Viện kiểm sát, ý kiến của các bị cáo, lời bào chữa của Luật sư bào chữa cho các bị cáo Sùng A S, Lường Thị V tại phiên toà xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo phần nhiều có căn cứ, đúng pháp luật cần chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án,

tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ và đặc biệt là khối lượng ma túy. Cần lên một mức án tương xứng nghiêm khắc với từng hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật, biện pháp trừng trị, giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Bị cáo Sùng A S đang bị tạm giam, Hội đồng xét xử xét thấy thời hạn tạm giam của bị cáo còn trên 45 ngày, duy trì Quyết định tạm giam số: 30/2023/HSST-QĐTG ngày 30/10/2023, đối với bị cáo Sùng A Súa. Các bị cáo Nguyễn Trung T, Lường Thị V đang bị tạm giam, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian tạm giam của các bị cáo còn dưới 45 ngày, tiếp tục tạm giam các bị cáo trong hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, vận dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là phạt tù, các bị cáo Sùng A S, Nguyễn Trung T còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự và khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lường Thị V. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo sống chủ yếu vào nông nghiệp, không có thu nhập, hoàn cảnh khó khăn, không có điều kiện thi hành. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Luật sư bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về nguồn gốc ma túy và các đối tượng liên quan:

Về nguồn gốc 28,49 gam Methamphetamine và 7,05 gam Heroine (tổng cộng 35,54 gam) thu giữ trong vụ án. Quá trình điều tra Sùng A S khai nhận người đàn ông tên H nhà ở bản N, xã CN, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La là người bán cho S. Cơ quan điều tra xác minh, điều tra tại xã Chiềng Nọi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La có hai bản Nhụng Trên và bản Nhụng Dưới. Tuy nhiên tại hai bản nêu trên không có đối tượng nào tên H, dân tộc Thái như lời khai của Sùng A S. Do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để tiếp tục xác minh, mở rộng vụ án. Đối với số 10 viên hồng phiến, quá trình điều tra Sùng A S khai nhận mua của người đàn ông tên H nhà ở bản Nhụng, xã Chiềng Nọi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La bằng số tiền 200.000 đồng. S đã sử dụng hết, không thu giữ được ma túy. Ngoài lời khai của S không có căn cứ khác để chứng minh S đã mua số ma túy trên để sử dụng. Do vậy coi đây là tình tiết trong vụ án.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với số ma túy thu giữ của các bị cáo là hàng quốc cấm Nhà nước cấm lưu hành, kèm vỏ gói niêm phong ban đầu và các đồ vật khác, 01 chiếc cân tiểu ly; 01 đĩa cân bằng kim loại không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 3.000.000 đồng thu giữ tại nhà của Sùng A S, xác định số tiền trên là số tiền do gia đình bị cáo cho thuê thầu đất mà có và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên trả lại cho gia đình bị cáo do chị Lý Thị K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Vận dụng điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Trung T phải nộp án phí hình sự theo quy định.

Các bị cáo Sùng A S, Lường Thị V là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Sùng A S, Lường Thị V.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định. Vận dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Sùng A S phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Sùng A S 15 (Mười lăm) năm 6 (Sáu) tháng tù, “thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính ngày bị bắt tạm giam là ngày 07/6/2023”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Sùng A S được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

2. Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội: Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 9 (Chín) năm tù, “thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính ngày bị bắt tạm giam là ngày 06/6/2023”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Trung T được quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lường Thị V phạm tội: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Lường Thị V 01 (Một) năm tù, “thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính ngày bị bắt tạm giam là ngày 06/6/2023”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo được quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

4.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) chiếc phong bì của Công an thành phố Sơn La nguyên niêm phong. Mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng lưu kho vụ Sùng A S - Mua bán trái phép chất ma túy ngày 07/6/2023. Gồm: 01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 02 vỏ túi nilon màu xanh; Mẫu lưu V1 = 10,92 gam; V2=6,54 gam”. Mặt sau phong bì trên giấy dán niêm phong số 063893 có ghi: “Cơ quan CSĐT- CATP Sơn La hồi 06 giờ 15 phút ngày 08/6/2023 tại CATP Sơn La, tại phần giáp lai của giấy dán niêm phong và phong bì có dòng chữ ký, họ tên của thành phần tham gia niêm phong, dấu điểm chỉ của đối tượng bị bắt và 01 dấu tròn đỏ Cơ quan CSĐT – CATP Sơn La. (Theo kết luận giám định số 1478/KL-KTHS ngày 09/6/2023 của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La thì mẫu gửi giám định ký hiệu H1 là ma túy loại Methamphetamine; Mẫu H2 là ma túy loại Heroine).

01 (Một) chiếc phong bì của Công an thành phố Sơn La nguyên niêm phong. Mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng lưu kho vụ Nguyễn Trung T và Lương Thị V - Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy ngày 06/6/2023. Gồm: 02 vỏ phong bì niêm phong ban đầu đã bóc mở; 01 mảnh nilon màu trắng, 01 vỏ túi nilon màu xanh, mẫu lưu kho V1 = 0,08 gam; V2 = 15,51 gam”. Mặt sau phong bì trên giấy niêm phong số 063442 có ghi: “Cơ quan CSĐT CATP Sơn La hồi 23 giờ 45 phút ngày 06/6/2023 tại CATP Sơn La”, tại phần giáp lai của giấy dán niêm phong và phong bì có dòng chữ ký và dòng ghi họ tên của thành phần tham gia niêm phong, đối tượng bị bắt và 01 dấu tròn đỏ Cơ quan CSĐT CATP Sơn La. (Theo kết luận giám định số 1463/KL-KTHS ngày 07/6/2023 của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La thì mẫu gửi giám định ký hiệu H1, H2 là ma túy loại Methamphetamine).

01 (Một) chiếc cân tiểu ly, đĩa cân làm bằng kim loại màu vàng, hình tròn, cán cân làm bằng nhựa màu trắng dài khoảng 30cm, có các vạch kẻ tỷ lệ, các hình trụ tròn: 04 dây chỉ màu đỏ, đã qua sử dụng (cân tiểu ly được đựng trong 01 báo bằng gỗ). 01 phong bì gửi mẫu giám định đã bóc mở niêm phong (số tiền 3.000.000 đồng tiền NHNN Việt Nam).

4.2. Tuyên trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lý Thị K: Số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu) đồng tiền NHNN Việt Nam trong 01 chiếc phong bì của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La nguyên niêm phong, mặt trước ghi: “Vật chứng thu giữ: Sùng A S - Mua bán trái phép chất ma túy, xảy ra tại bản Long Lăn, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Niêm phong hồi 09 giờ 40 phút, ngày 17 tháng 8 năm 2023. Tại: Phòng PC09 - Công an tỉnh Sơn La. Mặt sau tại mép giáp lai dán 01 giấy niêm phong số 064056 có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 02 (hai) hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La. (Theo kết luận giám định số 1488/KL-KTHS ngày 13/6/2023 của Phòng KTHS Công an tỉnh Sơn La thì số tiền 3.000.000VNĐ là tiền thật).

5. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Sùng A S, Lương Thị V được miễn án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kim Dung - Trần Mạnh Đức

Đỗ Tuấn Long

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- PC04-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Các bị cáo; LS; Người liên quan;
- Phòng KTNV- THA;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long